

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán
Công trình: Sân vận động xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Hạng mục: Công, tường rào, khán đài, rãnh thoát nước, đường bê tông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 218/TĐ-KTHT ngày 25/9/2020; Chủ tịch UBND xã Bình Sơn tại Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 01/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình Sân vận động xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Sân vận động xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn.
- 2. Hạng mục:** Công, tường rào, khán đài, rãnh thoát nước, đường bê tông
- 3. Loại, cấp công trình:** Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn.

5. Đơn vị khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty CP xây dựng và phát triển thương mại Bắc Hà.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng các hạng mục Sân vận động xã Bình Sơn đảm bảo nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao của xã.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.

8.1. Cổng, tường rào:

a) *Cổng:*

Cổng sân vận động rộng 4,5m, gồm 2 trụ cổng BTCT M200# đá 1x2, xây bao trụ cổng gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#; trát trụ cổng vữa XM75#, sơn trụ giả đá. Cánh cổng khung thép liên kết hàn, sơn tĩnh điện.

b) *Tường rào:*

- Tường rào thoáng mặt trước dài L = 59,9m : Móng xây đá hộc vữa XM50#, trên có giằng móng BTCT M200# đá 1x2 tiết diện 220x200; xây chân tường rào, trụ tường rào gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#; trát tường, trụ vữa XM75#; lắp đặt hoa sắt tường rào bằng sắt hộp sơn tĩnh điện; tường rào, trụ tường rào quét vôi 1 nước trắng 2 nước màu.

- Tường rào các mặt là tường xây đặc, dài L = 147,56m: Móng xây đá hộc vữa XM50#, trên có giằng móng BTCT M200# đá 1x2 tiết diện 220x200; xây tường rào gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#; trát tường vữa XM75#; quét vôi 1 nước trắng 2 nước màu.

8.2. Rãnh thoát nước mặt sân:

Rãnh thoát nước mặt sân dài L = 258,6m, kích thước BxH=40cm x 50cm:

- Lót đáy đá 2x4 dày 5cm, đáy rãnh đổ bê tông M200# đá 1x2 dày 10cm.

- Tường rãnh xây gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#; trát tường trong vữa xi măng M75 dày 1,5cm, lán rãnh vữa XM75 dày 1cm.

- Nắp rãnh tấm đan BTCT M200# đá 1x2 đúc sẵn dày 10cm có bố trí lỗ thoát nước mặt.

8.3. Khán đài, sân khấu:

- Khu vực khán đài được chia thành 2 khu vực có kích thước (8x5,5)m được bố trí 9 ngòi: Móng xây gạch không nung đặc vữa XM50#, xây bao gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#; trát tường vữa xi măng M75 dày 1,5cm; nền khán đài đổ bê tông M200# đá 1x2 dày 10cm; xây bậc ngòi gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#, mặt bậc trát vữa XM75, quét nước xi măng.

- Khu vực sân khấu có kích thước (10x5,5m) mặt sân khấu lát gạch TERAZO 400x400: Móng xây gạch không nung đặc vữa XM50#, xây bao gạch không nung (6,5x10,5x22)cm vữa XM50#; trát tường vữa xi măng M75 dày 1,5cm; nền sân khấu đổ bê tông M200# đá 1x2 dày 10cm, lát nền gạch Terrazzo 400x400.

- Mặt hông và mặt sau khán đài, sân khấu được lắp đặt lan can thép cao 0,8m, sơn tĩnh điện.

8.4. Đường bê tông, mặt sân:

- Đường chạy xung quanh sân vận động dài 249,38m, rộng 2m có quy mô: Lốp ni lông tái sinh chống mất nước, bê tông nền M200# đá 1x2 dày 10cm, cát khe nhiệt 5md/khe.

- Đắp cát mặt sân dày 15cm, lu lèn đạt độ chặt $K = 0,9$.

9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.

9.1. Giá trị dự toán : 1.131.606.000đ.

(Một tỷ, một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	960.469.000đ;
- Chi phí QLDA:	19.300.188đ;
- Chi phí TVĐTXD:	83.283.837đ;
- Chi phí khác:	14.667.234đ;
- Chi phí dự phòng:	53.886.013đ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9.2. Nguồn vốn đầu tư: Vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện theo Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Bình Sơn; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH: SÂN VẬN ĐỘNG XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA
HẠNG MỤC: CÔNG, TƯỜNG RÀO, KHÁN ĐÀI, RÃNH THOÁT NƯỚC, ĐƯỜNG BÊ TÔNG
(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	873.153.636	87.315.364	960.469.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	19.300.188		19.300.188
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	75.712.579	7.571.258	83.283.837
1	Khảo sát địa hình		2.664.545	266.455	2.931.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		50.642.911	5.064.291	55.707.202
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp		22.405.122	2.240.512	24.645.635
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	13.632.622	1.034.611	14.667.234
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		215.005		215.005
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		3.071.503		3.071.503
3	Chi phí kiểm toán		10.346.114	1.034.611	11.380.726
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	49.089.951	4.796.062	53.886.013
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		49.089.951	4.796.062	53.886.013
	TỔNG CỘNG		1.030.888.977	100.717.295	1.131.606.271
	LÀM TRÒN				1.131.606.000
<i>(Một tỷ, một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng)</i>					